

Bản án số: 22/2024/DS-PT
Ngày: 22/01/2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hữu Giàu.

Các Thẩm phán: Ông Đào Chí Keo;

Ông Nguyễn Hoàng Thám.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Mộng Cầm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:**
Ông Phạm Trường San - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 373/2023/TLPT-DS ngày 25 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 286/2023/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 374/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2023, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Công ty Cổ phần S; trụ sở: Lô MA2, Khu công nghiệp Đ, ấp E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến T, chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần S.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến P, sinh năm 1990, chức vụ: Nhân viên Công ty Cổ phần S; địa chỉ liên hệ: Số A Tháp Chung cư R, Số B N, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền số 68/UQ-SNRVN ngày 20/3/2023).

2. **Bị đơn:** Ông Vũ Đức H, sinh năm 1974; nơi cư trú: Số B Hồ B, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị Hải Y, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số B Hồ B, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

4. *Người kháng cáo:* Công ty Cổ phần S là nguyên đơn trong vụ án.

Tại phiên tòa có mặt ông Nguyễn Tiến P, ông Vũ Đức H; vắng mặt bà Lê Thị Hải Y (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

- *Nguyên đơn Công ty Cổ phần S do ông Nguyễn Tiến P là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 31/10/2020, Công ty Cổ phần S có ký Hợp đồng mua bán hàng hóa số TNSHAG0143 với ông Vũ Đức H. Trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán hàng hóa, Công ty Cổ phần S đã bán, bàn giao các hàng hóa là thuốc bảo vệ thực vật cho ông Vũ Đức H. Tuy nhiên, ông Vũ Đức H không thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền mua hàng cho Công ty Cổ phần S.

Tính đến ngày 19/5/2023, căn cứ giấy cam kết thanh toán được lập và ký bởi ông Vũ Đức H thì ông H còn nợ Công ty Cổ phần S số tiền 1.959.140.120 đồng (*Một tỷ chín trăm năm mươi chín triệu một trăm bốn mươi nghìn một trăm hai mươi đồng*).

Tính đến hết ngày 30/6/2023, ông Vũ Đức H còn nợ Công ty Cổ phần S số tiền 2.040.415.176 đồng (*Hai tỷ không trăm bốn mươi triệu bốn trăm mười lăm nghìn một trăm bảy mươi sáu đồng*). Trong đó: Nợ gốc quá hạn từ mua bán hàng hóa 1.796.140.120 đồng (*Một tỷ bảy trăm chín mươi sáu triệu một trăm bốn mươi nghìn một trăm hai mươi đồng*), tiền lãi chậm trả từ ngày 01/10/2022 tạm tính tới ngày 30/6/2023 (lãi chậm trả 0,05%/ngày theo quy định tại Điều 3 Giấy cam kết thanh toán ngày 19/5/2022) là: 244.275.056 đồng (*Hai trăm bốn mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn không trăm năm mươi sáu đồng*). Do công ty đã nhiều lần liên hệ yêu cầu thanh toán công nợ nhưng ông Vũ Đức H, bà Lê Thị Hải Y vẫn không thực hiện đầy đủ, đúng hạn công nợ.

Nay, Công ty Cổ phần S yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xem xét giải quyết yêu cầu buộc ông Vũ Đức H, bà Lê Thị Hải Y phải liên đới thanh toán cho Công ty Cổ phần S số tiền 2.157.164.284 đồng (*Hai tỷ một trăm năm mươi bảy triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm tám mươi bốn đồng*), trong đó:

1. Nợ gốc mua bán hàng hóa là 1.796.140.120 đồng (*Một tỷ bảy trăm chín mươi sáu triệu một trăm bốn mươi nghìn một trăm hai mươi đồng*);

2. Công ty Cổ phần S tính lãi từ ngày 01/10/2022 đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, lãi suất là 0,05%/ngày theo quy định tại Điều 3 Giấy cam kết thanh toán ngày 19/5/2022. Tiền lãi tạm tính từ ngày 01/10/2022 tới ngày 07/11/2023 là 361.024.164 đồng (*Ba trăm sáu mươi một triệu không trăm hai mươi bốn nghìn một trăm sáu mươi bốn đồng*) và tiếp tục tính lãi cho đến khi ông Vũ Đức H, bà Lê Thị Hải Y thanh toán hết nợ cho Công ty Cổ phần S.

Đối với thỏa thuận liên quan đến việc thế chấp 35.000 cổ phần tại Công ty G ngày 25/7/2022 Công ty vẫn giữ lại làm tài sản thế chấp đến hết ngày 30/6/2024. Trường hợp ông H thanh toán dứt điểm công nợ thì Công ty sẽ trả lại số cổ phần trên cho ông H còn nếu ông H không thanh toán hết công nợ thì Công ty sẽ xử lý tài sản thế chấp là 35.000 cổ phần trên theo quy định của pháp luật.

Về phần công nợ thì giữa Công ty với ông H đã thực hiện việc đối chiếu nhiều lần thể hiện qua các biên bản đối chiếu công nợ năm 2021, giấy cam kết thanh toán ngày 19/5/2022 và các lần chuyển khoản thanh toán của ông H vào tài khoản của công ty từ ngày 30/5/2022; 02/6/2022; 07/6/2022; 10/6/2022; 20/6/2022; 05/7/2022; 09/9/2022; 05/11/2022; 06/12/2022 theo bản tự khai ngày 17/8/2023 công ty đã giao nộp. Do đó, đã thể hiện đầy đủ nợ gốc ông H còn nợ của Công ty là 1.796.140.120 đồng.

- Bị đơn ông Vũ Đức H có ý kiến trình bày:

Thông nhất với ý kiến của Công ty về ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số TNSHAG0143 ngày 31/10/2020, với mục đích cá nhân ông mua thuốc bảo vệ thực vật.

Đối với số nợ gốc 1.796.140.120 đồng mà Công ty yêu cầu ông phải có trách nhiệm thanh toán thì ông chỉ đồng ý trả số tiền có các hóa đơn chứng từ rõ ràng, còn đối với 02 hóa đơn số 0002707 ngày 28/6/2021 và hóa đơn số 0003050 ngày 26/7/2021 với tổng số tiền là 216.500.000 đồng thì Công ty không có chuyển hay xác nhận đối chiếu với ông. Trong việc mua này thì ông cùng với ông Phan Văn C hùn hạp làm ăn và ông C cũng nhiều lần nhận các mặt hàng bán lại cho nông dân nên ông C nhận các mặt hàng và thu bao nhiêu tiền của nông dân thì ông cần có chứng từ xác nhận rõ ràng của công ty để thực hiện việc thỏa thuận cùng gia đình ông C giải quyết hậu quả đối với số tiền nợ này. Hiện nay ông C bỏ đi đâu ông cũng không rõ, đối với nội dung thỏa thuận giữa ông với ông C không liên quan đến Công ty tự hai bên thỏa thuận nên có phát sinh tranh chấp ông sẽ khởi kiện yêu cầu ông C có trách nhiệm với ông. Nay, ông đồng ý chịu trách nhiệm trả cho Công ty số tiền mà ông thống nhất có xác nhận đối chiếu rõ ràng là 1.579.640.120 đồng và Công ty X đối với các chế độ du lịch, tiền chiết khấu,... Công ty chỉ hỗ trợ cho ông được một phần cần điều chỉnh lại. Đối với thỏa thuận giữa các bên tại hợp đồng về tiền lãi thì ông thống nhất với tiền lãi do Công ty yêu cầu.

Đối với yêu cầu của Công ty buộc ông H và vợ là bà Lê Thị Hải Y cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền còn nợ thì ông không đồng ý với lý do: Ông là người trực tiếp ký hợp đồng, các biên bản xác nhận, đối chiếu công nợ với Công ty, bà Y hoàn toàn không biết việc làm ăn cũng như ông H không mang số tiền này về để phục vụ nhu cầu sinh hoạt trong gia đình. Do đó, một mình ông sẽ có trách nhiệm trả tiền cho Công ty.

Đối với 35.000 cổ phần của ông tại Công ty G ngày 25/7/2022 thì ông đề nghị vẫn giữ thế chấp để đảm bảo cho ông thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền

nợ cho Công ty. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Bản án, Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật nếu ông không thanh toán được khoản nợ cho Công ty thì ông đề nghị Công ty phát mãi 35.000 cổ phần trên để thực hiện việc khấu trừ nghĩa vụ đối với ông.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Hải Y vắng mặt nhưng có tờ tự khai thể hiện nội dung:* Đối với các hợp đồng mua bán giữa ông H và Công ty Cổ phần S bà không biết thông tin và không có ký tên trên bất kỳ văn bản nào liên quan đến hợp đồng trên. Việc ký hợp đồng mua bán giữa ông H (chồng bà) với Công ty Cổ phần S là công việc làm ăn cá nhân bên ngoài của chồng bà, bà không biết và chồng bà cũng không sử dụng nguồn tiền kiếm được để phục vụ cho đời sống, nhu cầu sinh hoạt trong gia đình vì đây là công việc và thu nhập riêng của chồng bà. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S vì bà không liên quan đến hợp đồng trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 286/2023/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S đối với ông Vũ Đức H, bà Lê Thị Hải Y liên đới trả tiền nợ mua bán thuốc bảo vệ thực vật còn nợ.

1.1. Buộc ông Vũ Đức H và bà Lê Thị Hải Y có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty Cổ phần S số tiền là 1.897.147.784 đồng (*Một tỷ tám trăm chín mươi bảy triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm tám mươi bốn đồng*), trong đó: tiền nợ 1.579.640.120 đồng theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số TNSHAG0143 ngày 31/10/2020 và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày 07/11/2023 là 317.507.664 đồng.

1.2. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S yêu cầu ông Vũ Đức H, bà Lê Thị Hải Y liên đới trả đối với số tiền là 216.500.000 đồng (*Hai trăm mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) tại hóa đơn số 0002707 ngày 28/6/2021 và hóa đơn số 0003050 ngày 26/7/2021.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Theo đơn kháng cáo đề ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Công ty Cổ phần S:

Kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 286/2023/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 286/2023/DS-ST ngày 07 tháng 11

năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

- Buộc ông Vũ Đức H và bà Lê Thị Hải Y phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S số tiền nợ gốc là 1.796.140.120đ và tiền lãi chậm trả tạm tính tới ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/11/2023) là 361.024.164 đồng, tổng cộng là 2.157.164.284 đồng.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Vũ Đức H và bà Lê Thị Hải Y phải trả lãi cho Công ty Cổ phần S với lãi suất 0,05%/ngày tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn trình bày: Rút một phần yêu cầu kháng cáo (theo đơn rút một phần nội dung kháng cáo ngày 17/01/2024 của Công ty Cổ phần S) đối với nội dung hai hóa đơn giá trị gia tăng gồm: Hóa đơn số 0002707 ngày 28/6/2021 và hóa đơn số 0003050 ngày 26/7/2021 với tổng số tiền là 216.500.000 đồng. Nguyên đơn chỉ kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử sửa cách tuyên án về tính lãi chậm trả của số tiền chưa thi hành án.

- Bị đơn trình bày: Bị đơn không có kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, nhưng đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét các hóa đơn giá trị gia tăng mà nguyên đơn làm căn cứ khởi kiện. Đối với kháng cáo của nguyên đơn về yêu cầu tính lãi chậm trả của số tiền chưa thi hành án, nội dung này bị đơn không có ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh An Giang căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty Cổ phần S; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 286/2023/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang về cách tuyên án chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không sửa, đề nghị giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của Công ty Cổ phần S trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự còn lại không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị đối với bản án sơ thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần S và chứng cứ liên quan, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án hai bên thống nhất ngày

31/10/2020, Công ty Cổ phần S với ông Vũ Đức H có ký Hợp đồng mua bán hàng hóa số TNSHAG0143, hàng hóa là thuốc bảo vệ thực vật và hai bên thống nhất có đối chiếu công nợ thể hiện tại Giấy cam kết thanh toán ngày 19/5/2022 (BL34), có nội dung: Qua đối chiếu xác nhận công nợ, hai bên thống nhất tính đến ngày 19/5/2022 bên B còn nợ bên A 1.959.140.120 đồng; Cam kết thanh toán ngày 01/3/2023 (BL24) có nội dung: Trong quá trình thực hiện mua bán với Công ty T1 còn nợ Công ty số tiền 1.796.140.120 đồng. Lý do cam kết ngày 01/3/2023 giảm nợ là do sau khi làm Giấy cam kết thanh toán ngày 19/5/2022 thì ông H có trả được 163.000.000 đồng.

Tuy nhiên ông H cho rằng sau khi ký cam kết trả nợ cho Công ty ông về kiểm tra lại hóa đơn nhận hàng thì có hai hóa đơn giá trị gia tăng gồm: Hóa đơn số 0002707 ngày 28/6/2021 và hóa đơn số 0003050 ngày 26/7/2021 với tổng số tiền là 216.500.000 đồng Công ty không có chuyển hay xác nhận đối chiếu với ông nên ông không đồng ý thanh toán, ông chỉ có nghĩa vụ trả số tiền 1.579.640.120 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn rút 01 phần yêu cầu kháng cáo đối với nội dung hai hóa đơn giá trị gia tăng gồm: Hóa đơn số 0002707 ngày 28/6/2021 và hóa đơn số 0003050 ngày 26/7/2021 với tổng số tiền là 216.500.000 đồng. Đối với yêu cầu kháng cáo về cách tuyên tính lãi chậm trả của số tiền chưa thi hành án đề nghị Hội đồng xét xử sửa cách tuyên án cho đúng quy định pháp luật.

Xét về lãi suất: Hai bên thống nhất có thỏa thuận lãi suất theo hợp đồng đã ký kết là 0,05%/ngày và quá trình giải quyết vụ án ông H thống nhất chịu lãi suất theo hợp đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền là chưa đúng theo điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó cần sửa cách tuyên án như sau: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án (ông Vũ Đức H, bà Lê Thị Hải Y) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận (lãi suất 0,05%/ngày) tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử cần sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do chấp nhận một phần kháng cáo nên Công ty Cổ phần S không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Phúc xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Công ty Cổ phần S đối với yêu cầu sửa cách tuyên án về tính lãi chậm trả của số tiền chưa thi hành án.

Đình chỉ một phần kháng cáo của nguyên đơn Công ty Cổ phần S đối với yêu cầu ông Vũ Đức H và bà Lê Thị Hải Y liên đới trả đối với số tiền là 216.500.000 đồng (*Hai trăm mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) tại hóa đơn số 0002707 ngày 28/6/2021 và hóa đơn số 0003050 ngày 26/7/2021.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 286/2023/DS-ST ngày 07 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S đối với ông Vũ Đức H, bà Lê Thị Hải Y liên đới trả tiền nợ mua bán thuốc bảo vệ thực vật.

1.1. Buộc ông Vũ Đức H và bà Lê Thị Hải Y có trách nhiệm liên đới trả cho Công ty Cổ phần S số tiền là 1.897.147.784 đồng (*Một tỷ tám trăm chín mươi bảy triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm tám mươi bốn đồng*), trong đó: tiền nợ 1.579.640.120 đồng theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số TNSHAG0143 ngày 31/10/2020 và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính đến ngày 07/11/2023 là 317.507.664 đồng.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án (ông Vũ Đức H, bà Lê Thị Hải Y) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận (lãi suất 0,05%/ngày) tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty CP S yêu cầu ông Vũ Đức H, bà Lê Thị Hải Y liên đới trả đối với số tiền là 216.500.000 đồng (*Hai trăm mười sáu triệu năm trăm nghìn đồng*) tại hóa đơn số 0002707 ngày 28/6/2021 và hóa đơn số 0003050 ngày 26/7/2021.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Công ty CP S phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm 10.825.000 đồng (*Mười triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 36.405.000 đồng (*Ba mươi sáu triệu bốn trăm lẻ năm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0002029 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên ngày 05/7/2023. Sau khi khấu trừ Công ty CP S được nhận lại 25.580.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

3.2. Ông Vũ Đức H, bà Lê Thị Hải Y có trách nhiệm liên đới nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 68.914.434 đồng (*Sáu mươi tám triệu chín trăm mười bốn*

ngàn bốn trăm ba mươi bốn đồng) tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho Công ty cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001193 ngày 01/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hoàng Thám Đào Chí Keo

Lưu Hữu Giàu

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND AG;
- Phòng KTNV và THA;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Văn Phòng;
- Tòa Dân sự;
- Đường sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Hữu Giàu